

Số: 0324/2023/CV-ADG
V/v giải trình chênh lệch LNST trên
BCTC kiểm toán năm 2022

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Công ty xin giải trình nội dung chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty cụ thể như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã kiểm toán:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã kiểm toán	Báo cáo tài chính riêng Quý 4/2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế TNDN	35.403.869.164	37.266.641.727	-1.862.772.564	5,0%

Nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế của kỳ báo cáo năm 2022 có sự chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên: Công ty điều chỉnh khoản trích lập dự phòng đối với khoản lỗ của công ty con - Công ty PT CleverAds (Indonesia). Khoản dự phòng được trích từ lợi nhuận của công ty mẹ dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cũng điều chỉnh giảm tương ứng.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Báo cáo kiểm toán năm 2022	Báo cáo kiểm toán năm 2021	Chênh lệch	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế TNDN	52.682.672.025	38.665.781.450	14.016.890.575	36,3%

Nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo kết quả hoạt động của kỳ báo cáo năm 2022 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước: Năm 2022, các công ty con của Công ty có hoạt động tốt hơn, đặc biệt Công ty cổ phần Review Thông minh có doanh thu tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm 2021 dẫn đến lợi nhuận sau thuế cũng có sự tăng trưởng với tỷ lệ tương ứng. Đồng thời, trong năm 2022 Công ty cũng hoàn thành thủ tục đầu tư vào CleverAds Philippines Corporation. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty tăng 36,3% so với năm 2021.

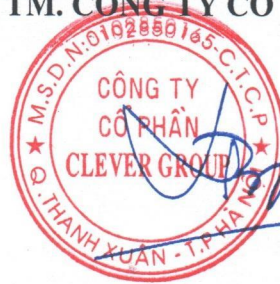
Trên đây là nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN đối với Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty cho kỳ báo cáo năm 2022. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Khánh Trình



CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Địa chỉ: Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26/01/2022)
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên
Ông Lee Sang Seok	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/06/2022)
Ông Cho Chang Hyun	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/06/2022)
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập

Ban Điều hành

Ông Bạch Dương	Giám đốc
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Nguyễn Khánh Trình

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Số: 06/2023/BCKT – CPAMB1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty cổ phần Clever Group

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Clever Group, được lập ngày 23/03/2023 từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Quỳnh Trang

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		249.663.496.891	371.845.279.358
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	34.814.577.683	10.590.235.550
1. Tiền	111		27.014.577.683	10.590.235.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.800.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	95.833.906.277	225.056.848.747
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		95.833.906.277	225.056.848.747
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.759.899.266	128.416.004.901
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	66.552.445.472	104.434.818.702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	965.145.281	830.967.722
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.387.620.000	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	45.212.318.183	21.507.848.148
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(357.629.671)	(357.629.671)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	1.401.933.598	6.854.461.847
1. Hàng tồn kho	141		1.401.933.598	6.854.461.847
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.853.180.067	927.728.313
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	569.772.997	803.306.078
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		439.380.129	30.806.409
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	844.026.941	93.615.827
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160.059.159.882	77.755.509.900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.078.700.000	52.801.738.224
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	-	2.500.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	40.078.700.000	50.301.738.224
II. Tài sản cố định	220		10.294.354.857	10.105.453.404
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	6.169.681.453	5.413.216.096
- Nguyên giá	222		14.339.493.001	14.133.127.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.169.811.547)	(8.719.910.905)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	4.124.673.404	4.692.237.308
- Nguyên giá	228		4.780.511.265	4.780.511.265
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(655.837.861)	(88.273.957)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	4.917.774.635	4.917.774.635
- Nguyên giá	231		4.917.774.635	4.917.774.635
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.639.396.885	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.639.396.885	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	102.822.045.147	8.326.998.893
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.651.702.392	8.326.998.893
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		91.170.342.755	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		306.888.357	1.603.544.744
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	249.777.527	1.203.768.936
2. Lợi thế thương mại	269	5.14	57.110.830	399.775.808
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		409.722.656.773	449.600.789.258

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		84.998.068.448	180.148.111.892
I. Nợ ngắn hạn	310		82.180.916.257	177.907.103.818
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	33.271.176.074	66.412.231.129
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	5.440.505.000	9.913.764.338
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	15.726.307.184	14.571.904.256
4. Phải trả người lao động	314		2.234.113.525	2.034.419.678
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	179.130.390	1.046.816.035
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	811.363.694	583.860.231
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	24.518.320.389	83.344.108.151
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.817.152.191	2.241.008.074
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.22	2.817.152.191	2.241.008.074
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		324.724.588.325	269.452.677.364
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.23	324.724.588.325	269.452.677.364
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		213.805.210.000	198.890.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		213.805.210.000	198.890.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(515.852.328)	586.079.683
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.936.384.267	58.205.806.097
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		35.980.087.238	21.212.287.093
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.956.297.030	36.993.519.003
5. Lợi ích cổ đông không kiểm	429		26.463.906.385	11.734.871.585
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		409.722.656.773	449.600.789.258

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023



NGUYỄN THỊ NGA

Người lập



NGUYỄN THỊ NGA

Kế toán trưởng



BẠCH DƯƠNG

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2022		Năm 2021	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	536.831.515.880		585.931.386.815	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-		1.201.476.500	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		536.831.515.880		584.729.910.315	
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	444.183.172.889		513.812.453.495	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92.648.342.991		70.917.456.821	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	25.763.513.797		24.048.377.143	
7. Chi phí tài chính	22	6.5	9.577.554.881		4.498.613.330	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.152.006.170		3.912.112.848	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.812.324.744)		(163.760.875)	
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	21.251.368.034		17.410.517.988	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	24.599.244.248		20.969.249.968	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.171.364.881		51.923.691.803	
12. Thu nhập khác	31	6.8	6.697.535.459		1.288.507.839	
13. Chi phí khác	32	6.8	2.346.821.122		2.635.523.918	
14. Lợi nhuận khác	40		4.350.714.337		(1.347.016.079)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.522.079.218		50.576.675.724	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	12.302.451.711		11.441.615.156	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	536.955.482		469.279.118	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.682.672.025		38.665.781.450	
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		48.956.297.029		36.970.669.636	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		3.726.374.996		1.695.111.814	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	2.458		1.993	
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.458		1.993	

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023



NGUYỄN THỊ NGA
Người lập



NGUYỄN THỊ NGA
Kế toán trưởng



BẠCH DƯƠNG
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	65.522.079.218	50.576.675.724
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.996.927.915	1.160.621.286
- Các khoản dự phòng	03	-	(251.822.768)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	94.789.439	(292.045.339)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24.752.833.921)	(24.454.411.398)
- Chi phí lãi vay	06	9.152.006.170	3.912.112.848
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	52.012.968.821	30.651.130.353
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.791.799.489	67.849.721.863
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.452.528.249	(5.958.069.062)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(32.928.169.507)	(4.610.810.352)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.759.315.413	518.486.967
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.130.883.921)	(2.865.296.813)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.803.008.189)	(10.682.401.127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.154.550.354	74.902.761.829
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.551.888.133)	(7.005.692.613)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.287.272.727	34.546.089.308
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(667.832.975.435)	(698.524.976.353)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	720.415.953.544	599.556.637.843
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.135.810.000)	(5.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.138.236.133	18.342.321.204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	66.320.788.836	(58.085.620.611)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.565.000.000	948.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	419.915.533.104	384.474.780.045
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(478.741.320.866)	(403.224.614.676)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.974.781.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(57.260.787.762)	(26.776.615.631)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	24.214.551.428	(9.959.474.413)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.590.235.550	20.546.846.347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.790.705	2.863.615
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	34.814.577.684	10.590.235.550

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023



NGUYỄN THỊ NGA
Người lập



NGUYỄN THỊ NGA
Kế toán trưởng



BẠCH DƯƠNG
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông Minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 280 người; cán bộ quản lý là 11 người (Tại ngày 31/12/2021, tổng số cán bộ nhân viên là 261 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<i>Công ty con</i>		(%)	(%)	
1. Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Dịch vụ quảng cáo
2. Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3. Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4. Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

	Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
	<i>Công ty con</i>		(%)	(%)	
5.	Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6.	Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7.	Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
8.	Công ty cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
9.	Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	95	95	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
10.	Công ty cổ phần AGLOBAL	Việt Nam	85	85	Công nghệ thông tin (trừ hoạt động báo chí) chi tiết thiết lập mạng xã hội, dịch vụ thương mại điện tử
11.	Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES (iii)	Philippines	55	55	Dịch vụ quảng cáo
12.	Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar	Myanmar	0	0	
	<i>Công ty liên kết</i>				
1.	Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh (ii)	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2.	Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3.	Công ty TNHH VKIDS VN	Việt Nam	39	39	Xuất bản phần mềm
4.	Công ty CP công nghệ Lazi	Việt Nam	48,8	48,8	Quảng cáo
5.	Công ty cổ phần TECHCEN	Việt Nam	29,3	29,3	Lập trình máy vi tính

(i) Công ty TNHH ADOP Vietnam đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

(ii) Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh đang tạm dừng hoạt động trong thời gian 01 năm từ 15/12/2021 đến 15/12/2022 và tạm dừng tiếp từ 16/12/2022 đến 16/12/2023.

(iii) Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES trở thành công ty con của Công ty từ ngày 22/04/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2022 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP Đà Nẵng	Tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2022. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất, lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính chuyển đổi

Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty PT CLEVER ADS và Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES được lập bằng Rupiah Indonesia (IDR) và đồng Peso Philippine (PHP) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng Citibank nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm tài chính xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)****Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 02 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
Máy móc, thiết bị	04 năm

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính và bản quyền, bằng sáng chế được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty là bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm và giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 08 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 18 đến 36 tháng.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích Công ty đang thuê. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

Các chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm cước phí internet và thuê dịch vụ máy chủ được phân bổ trong thời gian 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022****4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm chi phí lãi vay và một số chi phí khác phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong năm 2022, cổ tức được chia cho các cổ đông bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua dịch vụ với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh quảng cáo và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam (do doanh thu của công ty con ở nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ) nên báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	3.946.204.023	417.135.061
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.068.373.660	10.173.100.489
Các khoản tương đương tiền (*)	7.800.000.000	-
Tổng	34.814.577.683	10.590.235.550

(*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất là 6%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	95.833.906.277	95.833.906.277	225.056.848.747	225.056.848.747
- Tiền gửi có kỳ hạn	33.971.235.126	33.971.235.126	5.334.087.538	5.334.087.538
- Trái phiếu (i)	61.862.671.151	61.862.671.151	194.122.761.209	194.122.761.209
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	55.362.671.151	55.362.671.151	14.000.000.000	14.000.000.000
<i>Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land (6)</i>	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam</i>	-	-	60.882.761.209	60.882.761.209
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An</i>	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000
<i>Công ty cổ phần Bông Sen</i>	-	-	89.790.000.000	89.790.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐắkPsi</i>	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Công ty cổ phần BB Sunrise Power</i>	-	-	2.450.000.000	2.450.000.000
- Các khoản đầu tư khác	-	-	25.600.000.000	25.600.000.000
Dài hạn	91.170.342.755	91.170.342.755	-	-
- Trái phiếu	91.170.342.755	91.170.342.755	-	-
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	4.975.000.000	4.975.000.000	-	-
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An (2)</i>	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
<i>Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐắkPsi (3)</i>	30.599.904.399	30.599.904.399	-	-
<i>Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương (4)</i>	4.987.301.370	4.987.301.370	-	-
<i>Công ty CP thương mại công nghệ An Phát (5)</i>	608.136.986	608.136.986	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
Tổng	187.004.249.032	187.004.249.032	225.056.848.747	225.056.848.747

(i) Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ còn lại dưới 12 tháng được phân loại vào ngắn hạn và các khoản có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được phân loại vào dài hạn với lãi suất đầu tư từ 10,73% - 12,024%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được nắm giữ đến ngày đáo hạn; chi tiết như sau:

(1): Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory (mã trái phiếu từ SGL-2020.01 đến SGL-2020.05) có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 18/06/2020 và 28/07/2020, ngày đáo hạn 18/06/2023 và 28/07/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,869%/năm đến 12,024%/năm. Các trái phiếu có mã từ SGL-2020.06 đến SGL-2020.09 có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 28/08/2020, ngày đáo hạn 28/08/2025; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 11,952%/năm đến 12%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Tập đoàn BITECO vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phố The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cấu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Theo biên bản làm việc ngày 12/10/2022 giữa Công ty TNHH Saigon Glory và Công ty CP chứng khoán Tân Việt (đại lý phát hành), Saigon Glory cam kết sẽ mua lại trước hạn ngay khi có thể nhưng không muộn hơn ngày 12/06/2023 (đối với các mã trái phiếu từ SGL-2020.01 đến SGL-2020.05); còn đối với các mã trái phiếu từ SGL-2020.06 đến SGL-2020.09 thì không muộn hơn ngày 12/06/2024.

(2): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 2.901.992 m² đất tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thời hạn sử dụng đến 30/03/2056 của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi ngân hàng TMCP Sài Gòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

(3): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐăkPsi có kỳ hạn 10 năm, ngày phát hành 15/03/2021, ngày đáo hạn 15/03/2031; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,73%/năm đến 10,749%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ cổ phần trong Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển thủy điện ĐăkPsi của Công ty TNHH BB HYDRO POWER ĐĂKPSI có tổng mệnh giá là 410.454.500.000 VND (chiếm 98,09% vốn điều lệ) và quyền đòi nợ, quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư và phát triển thủy điện ĐăkPsi phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 07/2012 ĐĂKPSI 3/EVN CPC - DIHC ngày 25/07/2012 và số 08/2010 ĐĂKPSI 4/EVN CPC-ĐĂK PSI ngày 06/08/2010 và các hợp đồng, phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có) được ký giữa Công ty CP Đầu tư và phát triển thủy điện ĐăkPsi và Tổng công ty điện lực Miền Trung. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

(4): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 23/08/2021, ngày đáo hạn 23/08/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,123%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền khai thác quặng sắt tại Dự án Khai thác và tuyển quặng sắt Mỏ sắt Ba Hòn - Làng Lếch, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo giấy phép khai thác khoáng sản số 1408/GP-BTNMT cấp ngày 29/08/2012 của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai, toàn bộ máy móc thiết bị theo bảng kê chi tiết TSCĐ thuộc sở hữu của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai với tổng nguyên giá là 30.000.000.000 VND và phần vốn góp của ông Vũ Quang Bảo trong Công ty TNHH Tập đoàn BITECO có giá trị 200.000.000.000 VND (chiếm 3,2% vốn điều lệ). Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

(5): Trái phiếu của Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát có kỳ hạn 08 năm, ngày phát hành 30/12/2020, ngày đáo hạn 30/12/2028; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11%/năm. Tài sản đảm bảo là số cổ phần của ông Nguyễn Mạnh Hà (388.500 cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ) tại Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát; toàn bộ quyền và lợi ích theo các hợp đồng cho thuê văn phòng và các dịch vụ quản lý cho thuê văn phòng liên quan đến công trình "Trung tâm sản xuất phần mềm tin học nội địa và xuất khẩu" (Tòa nhà An Phát); giấy chứng nhận quyền sở hữu 700m2 đất và tài sản hình thành trên đất là Trung tâm sản xuất phần mềm tin học nội địa và xuất khẩu của Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(6): Trái phiếu của Công ty CP Hưng Thịnh Land có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 31/08/2020, ngày đáo hạn 31/08/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,374%/năm. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu Hưng Thịnh Land (mã HTL 004) là quyền sử dụng 75.482,4 m2 đất tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có thời hạn sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28/06/2005 của Công ty TNHH du lịch Minh Tuấn Sông Ray; 25.758.400 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh và 4.241.600 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của ông Lê Ngọc Triều; 76.000.000 cổ phần của bà Cao Thị Tuyết, Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Hưng Thịnh Quy Nhơn tại Công ty CP du lịch Minh Tuấn Sông Ray (chiếm 100% vốn điều lệ); các quyền tài sản phát sinh tương lai từ hoặc liên quan đến "Dự án Hồ Tràm Complex" tại xã Phước Thuận, huyện Xuân Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do Công ty TNHH Du lịch Minh Tuấn Sông Ray là chủ đầu tư. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(6): Tài sản đảm bảo cho trái phiếu Hưng Thịnh Land (mã HTL 007) là 40.000 cổ phần của ông Lê Ngọc Triều tại Công ty CP Hưng Thịnh Land; 18.000.000 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh; 49.500.000 cổ phần của ông Khuất Tùng Phong, Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Dịch vụ giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn tại Công ty CP Xây dựng và thương mại Tân Văn Hoa (chiếm 100% vốn điều lệ); quyền sử dụng thửa đất số 342, 347, 346, 343, 344 và 345 tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; tất cả các quyền tài sản (không bao gồm quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở) phát sinh từ hoặc liên quan đến dự án đầu tư Khu thương mại dịch vụ cao ốc văn phòng kết hợp khu dân cư tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai do Công ty CP Xây dựng và thương mại Tân Văn Hoa làm chủ đầu tư. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	31/12/2022 (VND)				01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	DP	CTHL	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh	1.473.885.018	-	-	-	1.473.885.018	-
Công ty TNHH ADOP Vietnam	2.094.064.716	-	-	-	2.095.618.085	-
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	3.205.011.579	-	-	-	1.779.118.691	-
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	4.460.855.753	-	-	-	2.432.083.863	-
Công ty cổ phần TECHCEN	417.885.326	-	-	-	546.293.237	-
Tổng	11.651.702.392	-	-	-	8.326.998.893	-

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
CleverAds Philippines Corporation VN	-	6.171.841.545
Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	-	1.661.322.604
Công ty TNHH TMDV Tân Hiệp Phát	-	3.898.546.044
Công ty cổ phần TIKI	14.381.692.147	6.407.330.514
Tổng công ty hàng không Việt Nam	57.799.018.658	57.799.018.658
Công ty TNHH MERAP TRADING	9.638.558.686	2.183.400.000
Công ty TNHH Nha khoa Kim	410.202.000	1.229.670.099
Công ty TNHH PP THACO AUTO	2.286.257.318	1.153.494.054
Công ty cổ phần NOVAREAL	1.735.020.000	1.004.091.695
Các khách hàng khác	3.651.735.588	-
Tổng	34.448.979.733	22.926.103.489
Tổng	66.552.445.472	104.434.818.702
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)	479.328.766	6.858.733.319

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH POS	-	154.440.000
Ông Đặng Trọng Toàn	360.000.000	360.000.000
Công ty CP KD TM và truyền thông TDM	-	22.698.500
Công ty TNHH Giải Trí số IM Việt Nam	66.825.000	121.000.000
Công ty TNHH TVTK phần mềm Cánh Cam	280.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	258.320.281	172.829.222
Tổng	965.145.281	830.967.722

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	3.387.620.000	2.000.000.000
Công ty cổ phần Phát triển Phú Mỹ (ii)	-	1.500.000.000
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH DV KT điện và xúc tiến TM (i)	2.500.000.000	-
Ông Thái Thanh Long	387.620.000	-
Dài hạn	-	2.500.000.000
Công ty TNHH DV KT điện và xúc tiến TM	-	2.500.000.000
Tổng	3.387.620.000	4.500.000.000

(i): Khoản cho vay được đảm bảo bằng các bất động sản, khoản vay có thời hạn trong 18 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay khoảng 9,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	45.212.318.183	21.507.848.148
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	12.502.222.756	18.124.695.084
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.777.100.581	422.548.474
- Lãi dự thu trái phiếu	662.004.505	2.685.317.805
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	756.223.259	220.676.027
- Phải thu tạm ứng	6.300.000.000	-
- Phải thu khác	22.214.767.082	54.610.758
+ Phải thu ông Nguyễn Khánh Trinh (i)	20.900.000.000	-
+ Phải thu thuế GTGT nhà thầu tháng 12	1.273.569.062	-
+ Phải thu khác	41.198.020	54.610.758
Dài hạn	40.078.700.000	50.301.738.224
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn (iii)	40.010.000.000	50.210.000.000
- Phải thu dài hạn khác	68.700.000	91.738.224
Cộng	85.291.018.183	71.809.586.372

Trong đó:

Số dư các khoản phải thu khác với bên LQ **27.200.000.000**

- (i) Khoản phải thu của ông Nguyễn Khánh Trinh do chuyển nhượng trái phiếu của Công ty TNHH Nova Thảo Điền với giá trị là 20.900.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán trái phiếu số CN-800-000318; CN-800-000319; CN-800-000320 ngày 16/12/2022. Các trái phiếu này được Công ty mua theo các hợp đồng mua bán trái phiếu số 800-014870/HĐTP-B/TVSI/NTDCH22270001-OUTRIGHT, 800-014871/HĐTP-B/TVSI/NTDCH22270001-OUTRIGHT, 800-014872/HĐTP-B/TVSI/NTDCH22270001-OUTRIGHT ngày 14/11/2022. Việc chuyển nhượng trái phiếu nêu trên cho ông Trinh đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐQT.ADG ngày 12/12/2022 và Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐQT ngày 16/12/2022 chấp thuận phụ lục của hợp đồng mua bán trái phiếu bổ sung thêm điều khoản thanh toán và tài sản thế chấp. Theo đó, việc thanh toán khoản phải thu do chuyển nhượng trái phiếu được chia thành 02 đợt: Đợt 1 trước ngày 31/03/2023 và đợt 2 trước ngày 30/06/2023; tài sản thế chấp bao gồm sổ tiết kiệm tiền gửi có kỳ hạn của ông Trinh và bất động sản của ông Trinh tại khu Royal city 72 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
- (ii) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 31/12/2022 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Chi tiết như sau:
- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 7.038.664.285 VND, lãi suất 4,6 - 4,7%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm.
 - Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.500.000.000 VND, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.
 - Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thịnh Vượng với tổng giá trị cầm cố là 2.015.497.267 VND, lãi suất 5,5%/năm cho hợp đồng cấp bảo lãnh tại các Ngân hàng thương mại.
 - Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 761.036.204 VND.
 - Các khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng với số tiền là 1.187.025.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.6 Các khoản phải thu khác (Tiếp theo)

- (iii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phân ánh trái phiếu dài hạn được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:
- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 với giá trị ghi sổ tại 31/12/2022 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 8,1%/năm, kỳ hạn 10 năm.
 - Trái phiếu mã số CTG208T2/02_119 với giá trị ghi sổ tại 31/12/2022 là 35.000.000.000 VND, lãi suất 6,9%/năm, kỳ hạn 8 năm.

5.7 Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	-
Công ty TNHH GOGALA	49.745.079	-	49.745.079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53.745.958	-	53.745.958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	66.734.809	-	66.734.809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145.949.280	-	145.949.280	-
Tổng	357.629.671	-	357.629.671	-

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	1.401.933.598	-	6.854.461.847	-
Cộng	1.401.933.598	-	6.854.461.847	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
Ngắn hạn	569.772.997		803.306.078	
- Chi phí thuê văn phòng	164.491.142		470.510.685	
- Phí sử dụng đường bộ	-		2.877.500	
- Công cụ dụng cụ phân bổ	372.732.331		285.117.893	
- Chi phí trả trước khác	32.549.524		44.800.000	
Dài hạn	249.777.527		1.203.768.936	
- Công cụ dụng cụ phân bổ	249.777.527		773.414.971	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-		430.353.965	
Cộng	819.550.524		2.007.075.014	

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	1.639.396.885			
- Chi phí đầu tư phần mềm về CSDL	1.639.396.885			
Tổng	1.639.396.885			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	13.606.831.727	336.593.455	189.701.819	14.133.127.001
Mua trong năm	4.680.326.000	-	-	4.680.326.000
Thanh lý, nhượng bán	(4.473.960.000)	-	-	(4.473.960.000)
Tại ngày 31/12/2022	13.813.197.727	336.593.455	189.701.819	14.339.493.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	8.203.839.342	336.593.455	179.478.108	8.719.910.905
Khấu hao trong năm	1.419.140.300	-	10.223.711	1.429.364.011
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.979.463.369)	-	-	(1.979.463.369)
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	7.643.516.273	336.593.455	189.701.819	8.169.811.547
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	5.402.992.385	-	10.223.711	5.413.216.096
Tại ngày 31/12/2022	6.169.681.454	-	-	6.169.681.454

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2022 là 4.354.845.181 VND (ngày 31/12/2021: 4.354.845.181 VND).

5.12 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm tin học</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	4.380.511.265	400.000.000	-	4.780.511.265
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	4.380.511.265	400.000.000	-	4.780.511.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	-	88.273.957	-	88.273.957
Khấu hao trong năm	547.563.912	19.999.992	-	567.563.904
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	547.563.912	108.273.949	-	655.837.861
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	4.380.511.265	311.726.043	-	4.692.237.308
Tại ngày 31/12/2022	3.832.947.353	291.726.051	-	4.124.673.404

5.13 Tăng giảm bất động sản đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	Số đầu kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối kỳ
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ				
NGUYÊN GIÁ	4.917.774.635	-	-	4.917.774.635
Nhà và quyền sử dụng đất	4.917.774.635	-	-	4.917.774.635
TRỊ	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	4.917.774.635	-	-	4.917.774.635
Nhà và quyền sử dụng đất	4.917.774.635	-	-	4.917.774.635

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sản văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

5.14 Lợi thế thương mại

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2022	8.264.317.556
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2022	8.264.317.556
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2022	7.864.541.748
Khấu hao trong năm	342.664.978
Tại ngày 31/12/2022	8.207.206.726
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2022	399.775.808
Tại ngày 31/12/2022	57.110.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thương Mại TIKI	222.583.249	222.583.249	490.412.579	490.412.579
Meta Platforms Ireland Limited	13.223.103.935	13.223.103.935	17.117.208.494	17.117.208.494
Google Ireland Ltd	16.407.336.096	16.407.336.096	45.921.399.951	45.921.399.951
Công ty TNHH TM và Truyền thông Biển Đông	206.528.400	206.528.400	-	-
Công ty cổ phần Forza	747.076.512	747.076.512	-	-
Công ty CP Quảng cáo thương mại Sen Vàng	334.271.996	334.271.996	-	-
Các nhà cung cấp khác	2.130.275.886	2.130.275.886	2.883.210.105	2.883.210.105
Tổng	33.271.176.074	33.271.176.074	66.412.231.129	66.412.231.129

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ VN	20.337.027	20.337.027	515.000.000	515.000.000
Công ty CP BERJAYA - Bờ Biển Dài	-	-	569.885.800	569.885.800
Trường Đại học Gia Định	-	-	400.000.000	400.000.000
Công ty CP Truyền hình tương tác Việt Nam	-	-	476.176.000	476.176.000
Công ty CP Chứng khoán PINETREE	486.233.796	486.233.796	244.420.000	244.420.000
Công ty TNHH BEYOND SUPREME 168	9.600.000	9.600.000	344.706.976	344.706.976
Công ty TNHH US BEAUTY	-	-	363.000.000	363.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	39.583.728	39.583.728	192.752.660	192.752.660
Công ty CP Truyền thông và giải trí HG Media	538.054.851	538.054.851	11.000.000	11.000.000
Công ty TNHH GRAB	313.500.000	313.500.000	152.883.092	152.883.092
Các khách hàng khác	4.033.195.598	4.033.195.598	6.643.939.810	6.643.939.810
Tổng	5.440.505.000	5.440.505.000	9.913.764.338	9.913.764.338

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

- 82.162.193

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.902.352.145	24.068.876.579	(24.162.503.156)	5.808.725.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.298.686.023	12.302.451.711	(11.317.635.779)	7.283.501.955
Thuế thu nhập cá nhân	602.948.419	2.235.279.480	(2.368.258.291)	469.969.608
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	1.767.917.669	2.831.744.508	(2.435.552.124)	2.164.110.053
Tổng	14.571.904.256	41.438.352.278	(40.283.949.350)	15.726.307.184

5.18 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	57.003.564
Thuế thu nhập cá nhân	844.026.941	36.612.263
Tổng	844.026.941	93.615.827

5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	21.122.249	1.046.816.035
Chi phí phải trả khác	158.008.141	-
Tổng	179.130.390	1.046.816.035

5.20 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	428.996.988	428.996.988	256.782.988	256.782.988
Bảo hiểm xã hội	-	-	1.691.743	1.691.743
Các khoản phải trả khác	382.366.706	382.366.706	325.385.500	325.385.500
Tổng	811.363.694	811.363.694	583.860.231	583.860.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.21 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022 (VND)		Trong kỳ		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	21.415.613.589	21.415.613.589	329.764.841.306	(387.697.670.527)	79.348.442.810	79.348.442.810
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	21.415.613.589	21.415.613.589	329.764.841.306	(387.697.670.527)	79.348.442.810	79.348.442.810
Dư nợ tín dụng	3.102.706.800	3.102.706.800	90.152.180.670	(91.045.139.211)	3.995.665.341	3.995.665.341
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	2.466.580.644	2.466.580.644	81.636.383.127	(82.663.290.562)	3.493.488.079	3.493.488.079
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iii)	636.126.156	636.126.156	8.515.797.543	(8.381.848.649)	502.177.262	502.177.262
Tổng	24.518.320.389	24.518.320.389	419.917.021.976	(478.742.809.738)	83.344.108.151	83.344.108.151

- (i) - Hợp đồng cho vay hạn mức số 001/2022 - HĐCVHM/NHCT140 - CLEVERADS ký ngày 08/12/2022 với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 08/12/2022 đến 08/12/2023. Khoản vay được giải ngân theo từng kế ước nhận cụ thể có thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 6 % / năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau: *Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 và CTG1727T2/02-2634 có giá trị ghi sổ tại ngày 31/12/2022 lần lượt là 5.010.000.000 VND và 35.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ngày 17/01/2020 hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 08/2020/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ký ngày 24/9/2020 giữa Ngân hàng và Công ty (Thuyết minh số 5.6).*
- (ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 5.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 15%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tại Ngân hàng này với giá trị tại ngày 31/12/2022 là 7.038.664.285 VND (Thuyết minh số 5.6).
- (iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 31/12/2022 là 1.500.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.22 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.817.152.191	2.241.008.074
Tổng	2.817.152.191	2.241.008.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.23 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng
Số dư đầu năm trước	180.003.330.000	34.940.000	10.711.208.549	840.620.701	48.597.679.443	240.187.778.693
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	17.999.650.000	-	-	-	(17.999.650.000)	-
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	(671.448.778)	-	-	(671.448.778)
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	1.695.111.814	-	36.970.669.636	38.665.781.450
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(254.541.018)	-	(254.541.018)
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(9.000.166.500)	(9.000.166.500)
Giảm khác	-	-	-	-	(362.726.482)	(362.726.482)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	198.890.980.000	34.940.000	11.734.871.585	586.079.683	58.205.806.097	269.452.677.364
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	14.914.230.000	-	-	-	(14.914.230.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	3.726.374.996	-	48.956.297.029	52.682.672.025
Tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	11.002.659.804	-	2.216.171.565	13.218.831.369
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.101.932.011)	-	(1.101.932.011)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(9.527.660.424)	(9.527.660.424)
Số dư cuối năm nay	213.805.210.000	34.940.000	26.463.906.385	(515.852.328)	84.936.384.267	324.724.588.325

(*): Ngày 24/11/2022, Công ty đã phát hành 1.491.423 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-DHĐCĐ.ADG ngày 25/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Theo Công văn số 8028/UBCK – QLCB ngày 02/12/2022 của Ủy ban chứng khoán, Công ty đã được chấp thuận đăng ký niêm yết bổ sung 1.491.423 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.23 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trình	59.828.350.000	53.154.280.000
Ông Du Khắc Châu	1.918.170.000	1.784.350.000
YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD (tên mới là FSN Asia Private Ltd)	85.612.430.000	79.639.470.000
Các cổ đông khác	66.446.260.000	64.312.880.000
Tổng	213.805.210.000	198.890.980.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	198.890.980.000	180.003.330.000
+ Vốn góp tăng trong năm	14.914.230.000	18.887.650.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	213.805.210.000	198.890.980.000
Cổ tức:	14.914.230.000	26.999.816.500

Ngày 24/11/2022, Công ty đã phát hành 1.491.423 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ.ADG ngày 25/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Theo Công văn số 8028/UBCK - QLCB ngày 02/12/2022 của Ủy ban chứng khoán, Công ty đã được chấp thuận đăng ký niêm yết bổ sung 1.491.423 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021.

d. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.380.521	19.889.098
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.380.521	19.889.098
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	19.889.098
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.380.521	19.889.098
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	19.889.098

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

5.24 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

	31/12/2022	01/01/2022
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	3.405.825.923	3.066.345.296
Trên 01 năm đến 05 năm	3.106.837.833	4.976.111.159
Tổng	6.512.663.756	8.042.456.455

Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
Đô la Mỹ (USD)	22.905,73	66.869,86

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	536.831.515.880	551.507.012.222
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	34.424.374.593
Tổng	536.831.515.880	585.931.386.815
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	8.659.136.859	7.383.809.651

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chiết khấu thương mại	-	1.201.476.500
Tổng	-	1.201.476.500

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	444.183.172.889	482.150.802.595
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	31.661.650.900
Tổng	444.183.172.889	513.812.453.495

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	24.960.057.825	21.951.924.954
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	189.516.227	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	613.939.745	1.948.827.285
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	147.624.904
Tổng	25.763.513.797	24.048.377.143

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	9.152.006.170	3.912.112.848
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	425.548.711	582.040.482
Chi phí tài chính khác	-	4.460.000
Tổng	9.577.554.881	4.498.613.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	12.056.102.448	8.174.618.648
Chi phí đồ dùng văn phòng	390.734.160	1.412.347.049
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	1.824.546.564	4.766.788.778
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(251.822.768)
Thuế, phí và lệ phí	154.427.402	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.431.212.415	6.015.222.863
Chi phí khác bằng tiền	1.742.221.259	852.095.398
Tổng	24.599.244.248	20.969.249.968
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	20.252.086.449	16.630.061.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	730.112.782	766.054.339
Chi phí khác bằng tiền	269.168.803	14.402.630
Tổng	21.251.368.034	17.410.517.988

6.7 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác	6.697.535.459	1.288.507.839
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	95.550.000	20.489.415
- Xử lý số dư công nợ	92.290.883	1.194.322.393
- Thu nhập phát sinh từ giao dịch mua rẻ	6.473.152.649	-
- Các khoản khác	36.541.927	73.696.031
Chi phí khác	2.346.821.122	2.635.523.918
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	27.601.406	-
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	694.668.827	385.744.992
- Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	269.456.683	115.521.455
- Chi ủng hộ, tài trợ	228.000.000	-
- Phạt vi phạm hợp đồng	752.146.400	1.174.189.200
- Các khoản khác	374.947.806	960.068.271
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)	4.350.714.337	(1.347.016.079)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	390.734.160	1.470.706.391
Chi phí nhân công	42.241.708.652	28.712.166.502
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	2.339.592.893	5.172.533.762
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(251.822.768)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	464.952.750.448	455.134.040.111
Chi phí khác bằng tiền	23.788.468.246	1.161.970.209
Tổng	533.713.254.399	491.399.594.207

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	12.116.501.955	11.455.562.912
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH kỳ này	185.949.756	(13.947.756)
Tổng	12.302.451.711	11.441.615.156

6.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	536.955.482	469.279.118
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.684.777.408	2.346.395.591
Tổng	536.955.482	469.279.118

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.956.297.029	36.970.669.636
Các khoản điều chỉnh	-	-
thông	48.956.297.029	36.970.669.636
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19.913.615	18.554.026
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.458	1.993

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2022	Năm 2021
- Các giao dịch phi tiền tệ khác		
+ <i>Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	2.918.160.000	-

8. THÔNG TIN KHÁC**8.1 Các khoản cam kết****Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 520 m² văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12/09/2020.
- Tiền thuê 407,5 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m²/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018.
- Tiền thuê 80,24 m² văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2022.
- Tiền thuê 108 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018.

Cam kết vốn

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2021, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**8.2 Thông tin về các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

a. Giao dịch với bên liên quan

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Bán hàng hóa dịch vụ				
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt (nay chuyển thành công ty con)	Cung cấp dịch vụ	-	4.400.221.972
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	2.938.368.254	1.833.951.235
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	44.578.182
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	3.996.523.315	6.747.020
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	230.969.246	14.434.171
Công ty TNHH VKIDS VN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.493.276.044	1.083.877.071
Tổng			8.659.136.859	7.383.809.651
Mua hàng hóa dịch vụ				
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua dịch vụ	-	50.000.000
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	4.724.592
Tổng			-	54.724.592
Cho vay				
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	-	19.350.000.000
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền cho vay	-	19.350.000.000
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	-	573.467.082
Phải thu khác				
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Chuyển nhượng trái phiếu	20.900.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng TH dự án	3.800.000.000	-
Ông Bạch Dương	Giám đốc	Tạm ứng TH dự án	2.500.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**b. Số dư với các bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng		479.328.766	6.858.733.319
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	-	6.171.841.545
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	204.046.217	202.204.962
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	-	2.258.443
Công ty TNHH VKIDS VN	Công ty liên kết	110.855.560	482.428.369
Công ty CP công nghệ Lazi	Công ty liên kết	164.426.989	-
Người mua trả tiền trước		-	82.162.193
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	-	82.162.193
Phải thu khác		27.200.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	24.700.000.000	-
Ông Bạch Dương	Giám đốc	2.500.000.000	-

8.3 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	536.831.515.880	-	-	536.831.515.880
Tổng doanh thu thuần	536.831.515.880	-	-	536.831.515.880
Chi phí kinh doanh	490.033.785.171	-	-	490.033.785.171
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	444.183.172.889	-	-	444.183.172.889
- Chi phí bán hàng	21.251.368.034	-	-	21.251.368.034
- Chi phí QLDN	24.599.244.248	-	-	24.599.244.248
Kết quả HĐKD	46.797.730.709	-	-	46.797.730.709
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	14.373.634.166	14.373.634.166
- Lợi nhuận khác	-	-	4.350.714.337	4.350.714.337
- LN/(lỗ) trước thuế	46.797.730.709	-	18.724.348.503	65.522.079.212
Chỉ tiêu	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
Tài sản				
tiền	34.814.577.683	-	-	34.814.577.683
Các khoản đầu tư tài chính	11.651.702.392	-	187.004.249.032	198.655.951.424
Các khoản phải thu	151.643.270.921	-	4.195.328.345	155.838.599.266
Hàng tồn kho	1.401.933.598	-	-	1.401.933.598
Tài sản khác	3.742.354.479	-	-	3.742.354.479
Tài sản cố định	10.294.354.857	-	-	10.294.354.857
Bất động sản đầu tư	4.917.774.635	-	-	4.917.774.635
Lợi thế thương mại	57.110.830	-	-	57.110.830
Tổng tài sản	218.523.079.396	-	191.199.577.377	409.722.656.773
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	82.180.916.257	-	-	82.180.916.257
Nợ dài hạn	2.817.152.191	-	-	2.817.152.191
Tổng nợ phải trả	84.998.068.448	-	-	84.998.068.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

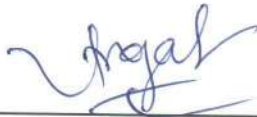
8. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

8.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Xét trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

8.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.



NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập



NGUYỄN THỊ NGÀ
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023



BẠCH DƯƠNG
Giám đốc